CÔNG TY CỔ PHẦN LINH ĐAN BEAUTY

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LINH ĐAN BEAUTY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINH DAN BEAUTY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110235131

3. Ngày thành lập: 18/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

D4-NV3 ô số 11, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0914395785* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)	*4610*
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm (Khoản 2 Điều 1 Nghị định 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Khoản 23 Điều 2, Điều 14 Luật An toàn thực phẩm 2010)	*4632*
4.	Bán buôn đồ uống	*4633*
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh dược, Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	*4649(Chính)*
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	*4659*
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	*4669*
12.	Trồng cây lấy củ có chất bột	*0113*
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
14.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	*0119*
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	*0128*
16.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	*0131*
17.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	*0132*
18.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	*0141*
19.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	*0144*
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
21.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
22.	Chăn nuôi khác	*0149*
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
24.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
25.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
27.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	*8299*
29.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
30.	Đào tạo trung cấp	*8532*
31.	Đào tạo cao đẳng	*8533*
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	*8559*
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
36.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	*8610*
37.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động phòng khám chuyên khoa sản	*8620*

38.	Hoạt động y tế dự phòng Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ y tế dự phòng	*8691*
39.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng	*8692*
40.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già và người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc	*8730*
41.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	*8790*
42.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
43.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v…;Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên	*9329*
44.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	*6810*
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Môi giới bất động sản	*6820*
46.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
47.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 32 Luật dược 2016 và Khoản 23 Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018)	*4711*
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket). Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket). Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	*4719*
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*

52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
54.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng Sản xuất các loại trà dược liệu (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã….), nước uống dược liệu, cao dược liệu; Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến	*1079*
55.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
56.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc (Điểm a Khoản 2 Điều 32 Luật Dược 2016) - Sản xuất hóa dược và dược liệu	*2100*
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ;	*4789*
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	*4791*
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	*4799*
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết : - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	*5229*
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn;- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự - Biệt thự du lịch. Căn hộ du lịch. Nhà nghỉ du lịch. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê. Bãi cắm trại du lịch	*5510*
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	*5610*
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	*5621*
65.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	*5629*
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	*5630*
67.	Đại lý du lịch	*7911*
68.	Điều hành tua du lịch	*7912*

69.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
70.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
71.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
72.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
74.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
75.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
76.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
77.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*

6. Vốn điều lệ: 3.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 390.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HỒNG ANH	Tổ dân phố Hoàng 4, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	78.000	780.000.000	20,000	001086014248	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	78.000	780.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY	Nhà số 17, ngõ 10 Khu tập thể Học viện An Ninh, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	195.000	1.950.000.000	50,000	001159024776	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	195.000	1.950.000.000	50,000		

3	NGUYỄN THỊ DUNG	Tập thể ga Giáp Bát, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	117.000	1.170.000.000	30,000	022158000588	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	117.000	1.170.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *03/09/1959* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001159024776*

Ngày cấp: *16/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Nhà số 17, ngõ 10 Khu tập thể Học viện An Ninh, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Nhà số 17, ngõ 10 Khu tập thể Học viện An Ninh, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội